

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LẠNG SƠN

BẢN MÔ TẢ SÁNG KIẾN

**MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LẠNG SƠN**

Lĩnh vực sáng kiến: *Khoa học xã hội*

Tác giả: Hà Thị Thúy Hằng

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tâm lý học

Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm KHCN&DV Đ

Nơi công tác: Trường Cao đẳng Lạng Sơn

Điện thoại liên hệ: 0979811412

Địa chỉ thư điện tử: hanght.c10@moet.edu.vn

Đề nghị công nhận sáng kiến cấp: cơ sở

Lạng Sơn, năm 2026

MỤC LỤC

I – MỞ ĐẦU	4
1. Lí do chọn sáng kiến.....	4
2. Mục tiêu của sáng kiến	5
3. Phạm vi của sáng kiến (đối tượng, không gian, thời gian).....	5
II – CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ THỰC TIỄN	5
1. Cơ sở lý luận.....	5
1.1. Khái niệm và vai trò của quản lý hoạt động KHCN trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp.....	5
1.2. Hệ thống các văn bản quy định về quản lý hoạt động KHCN	6
1.3. Nội dung quản lý hoạt động KHCN trong các cơ sở giáo dục	7
2. Cơ sở thực tiễn.....	8
III – NỘI DUNG SÁNG KIẾN	10
1. Nội dung và những kết quả nghiên cứu của sáng kiến.....	10
1.1. Nguyên tắc xây dựng giải pháp	10
1.2. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn.....	10
1.2.1 Hoàn thiện quy trình quản lý hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng thống nhất, khoa học, phù hợp với đặc thù của trường cao đẳng đa ngành được sáp nhập.....	10
1.2.2. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ.....	12
1.2.3. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.....	13
1.2.4 Phát triển tiềm lực và xây dựng hệ sinh thái KHCN.....	14
2. Thảo luận, đánh giá kết quả	15
2.1. Tính mới, tính sáng tạo	15
2.2. Khả năng áp dụng và mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến....	16
IV – KẾT LUẬN.....	23

TÓM TẮT SÁNG KIẾN

Sáng kiến “*Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn*” được thực hiện trong bối cảnh hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) của nhà trường còn phân tán, hiệu quả chưa cao, công tác quản lý chủ yếu mang tính hành chính, chưa gắn chặt với nhiệm vụ đào tạo, nhu cầu thực tiễn của địa phương và doanh nghiệp.

Sáng kiến đề xuất hệ thống giải pháp quản lý mang tính đồng bộ và khả thi, tập trung vào các nội dung: (1) Hoàn thiện quy trình quản lý hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng thống nhất, khoa học, phù hợp với đặc thù của trường cao đẳng đa ngành được sáp nhập; (2) Chú trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; (3) Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học gắn với đổi mới phương pháp giảng dạy, lĩnh vực đào tạo, sản xuất – dịch vụ và nhu cầu thực tiễn của địa phương; (4) Phát triển tiềm lực và xây dựng hệ sinh thái khoa học và công nghệ

Sáng kiến được đề xuất nhằm giải quyết những vấn đề cấp thiết trong công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn, sáng kiến tập trung đổi mới cách tiếp cận trong quản lý hoạt động KH&CN, từ quản lý hành chính sang quản lý theo mục tiêu, hiệu quả và ứng dụng.

I. MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn sáng kiến

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tri thức ngày càng trở thành nguồn lực trực tiếp tạo nên năng lực cạnh tranh của quốc gia, địa phương và từng cơ sở giáo dục. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá chiến lược, là cuộc cách mạng sâu sắc, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực [2].

Đối với giáo dục nghề nghiệp, hoạt động khoa học và công nghệ không chỉ có vai trò hỗ trợ giảng dạy mà còn là động lực quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo, cập nhật công nghệ mới, phát triển học liệu, đổi mới phương pháp dạy học, kết nối với doanh nghiệp và góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn của địa phương. Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 về Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã nhấn mạnh yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hội nhập, gắn với thị trường lao động và chuyển đổi số [9].

Trường Cao đẳng Lạng Sơn là cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa ngành được hình thành trên cơ sở sáp nhập các đơn vị đào tạo có đặc điểm chuyên môn khác nhau. Việc sáp nhập tạo ra nhiều cơ hội để tích hợp nguồn lực, mở rộng lĩnh vực đào tạo, phát huy thế mạnh liên ngành và từng bước hình thành môi trường học thuật phong phú hơn. Tuy nhiên, trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, quá trình này cũng đặt ra không ít khó khăn như: cơ chế quản lý chưa thật sự đồng bộ; quy trình triển khai nhiệm vụ nghiên cứu ở các đơn vị còn khác nhau; năng lực nghiên cứu của đội ngũ không đồng đều; định hướng nghiên cứu chưa tập trung rõ vào thế mạnh của nhà trường và nhu cầu phát triển của tỉnh; việc ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu còn hạn chế; cơ sở dữ liệu, hạ tầng số và cơ chế hỗ trợ hoạt động khoa học và công nghệ chưa hoàn thiện [12].

Trong khi đó, yêu cầu đổi mới quản trị nhà trường, nâng cao chất lượng đào tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường gắn kết với doanh nghiệp và phục vụ phát triển địa phương ngày càng trở nên cấp thiết. Nếu không có giải pháp quản lý phù hợp, hoạt động khoa học và công nghệ sẽ khó phát huy đúng vai trò của mình, dễ rơi vào tình trạng phân tán, hình thức và thiếu sức lan tỏa [2], [10].

Xuất phát từ những yêu cầu nêu trên, việc nghiên cứu và đề xuất sáng kiến “*Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn*” là cần thiết cả về lý luận và thực tiễn.

Sáng kiến không chỉ nhằm hoàn thiện công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong phạm vi nhà trường mà còn góp phần tạo nền tảng cho việc phát triển môi trường nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực đội ngũ và tăng cường đóng góp của nhà trường đối với phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lạng Sơn [1], [2].

2. Mục tiêu của sáng kiến

Đề xuất hệ thống giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng thống nhất, khoa học, khả thi và phù hợp với đặc thù của nhà trường đa ngành sau sáp nhập

3. Phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu: Công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn,

3.2. Phạm vi nghiên cứu: Trường Cao đẳng Lạng Sơn

3.3. Thời gian nghiên cứu: năm học 2025-2026

II – CƠ SỞ LÝ LUẬN, CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Cơ sở lý luận

1.1. Khái niệm và vai trò của quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Khoa học được hiểu là hệ thống tri thức về bản chất, quy luật vận động và phát triển của tự nhiên, xã hội và tư duy; còn công nghệ là giải pháp, quy trình, bí quyết kỹ thuật có kèm hoặc không kèm công cụ, phương tiện dùng để biến đổi nguồn lực thành sản phẩm [6]. Theo Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013, khoa học và công nghệ giữ vị trí quốc sách hàng đầu, là động lực then chốt để phát triển kinh tế – xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của quốc gia [6].

Trong bối cảnh phát triển nền kinh tế tri thức và chuyển đổi số, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ngày càng trở thành nền tảng của phát triển bền vững. Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị xác định phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển lực lượng sản xuất hiện đại, đổi mới phương thức quản trị và thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững [2].

Đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, hoạt động khoa học và công nghệ có vai trò đặc biệt quan trọng trong nâng cao chất lượng đào tạo, cập nhật công nghệ mới, phát triển học liệu, đổi mới phương pháp dạy học và tăng cường gắn kết giữa đào tạo với thực tiễn sản xuất, dịch vụ. Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045 nhấn mạnh yêu cầu đổi mới giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hội nhập, trong đó ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số là một nền tảng quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực [9].

Trong nhà trường, nghiên cứu khoa học giúp giảng viên cập nhật tri thức mới, tiếp cận công nghệ tiên tiến, nâng cao năng lực chuyên môn và đổi mới phương pháp giảng dạy. Thông qua hoạt động nghiên cứu, kết quả khoa học có thể được tích hợp vào chương trình đào tạo, giáo trình, bài giảng, mô hình thực hành và hoạt động kiểm tra, đánh giá, từ đó làm cho quá trình đào tạo trở nên thực tiễn, linh hoạt và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của thị trường lao động [7], [9].

Bên cạnh đó, khoa học và công nghệ còn giữ vai trò quan trọng trong phát triển học liệu số, xây dựng môi trường đào tạo hiện đại và hỗ trợ chuyển đổi số giáo dục. Việc ứng dụng các nền tảng quản lý học tập, mô phỏng số, thực tế ảo, dữ liệu số và công cụ hỗ trợ dạy học không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả đào tạo mà còn tạo điều kiện cho người học tiếp cận với môi trường nghề nghiệp hiện đại [2], [10].

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng, trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, phát triển khoa học và công nghệ cần được triển khai theo hướng gắn kết giữa đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phục vụ cộng đồng; đồng thời phải được quản lý như một bộ phận quan trọng của quản trị nhà trường hiện đại [4], [10]. Đối với Trường Cao đẳng Lạng Sơn, việc đẩy mạnh hoạt động khoa học và công nghệ không chỉ góp phần xây dựng môi trường học thuật năng động, nâng cao chất lượng đào tạo mà còn từng bước khẳng định vị thế của nhà trường trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp và trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội của địa phương

1.2. Hệ thống các văn bản quy định về quản lý hoạt động khoa học và công nghệ

Cơ sở pháp lý cho quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục hiện nay tương đối đầy đủ và đồng bộ. Những văn bản quan trọng có thể sử dụng làm căn cứ trong sáng kiến gồm:

- Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13, ban hành ngày 18/6/2013.
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/6/2019.
- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15, ban hành ngày 27/6/2025, có hiệu lực từ ngày 01/10/2025.
- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15, ban hành ngày 10/12/2025, có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.
- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.
- Thông tư số 38/2026/TT-BGDĐT ngày 29/4/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chuẩn cơ sở giáo dục nghề nghiệp.
- Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045.
- Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.
- Kế hoạch hành động số 238-KH/TU ngày 23/5/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.
- Quyết định số 01/QĐ-CĐLS ngày 23/9/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lạng Sơn ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lạng Sơn;
- Quyết định số 258/QĐ-CĐLS ngày 18/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lạng Sơn ban hành Quy định về chế độ làm việc đối với nhà giáo Trường Cao đẳng Lạng Sơn;
- Quyết định số 224/QĐ-CĐLS ngày 10/11/2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lạng Sơn ban hành Quy định về quản lý công tác Khoa học và Công nghệ của Trường Cao đẳng Lạng Sơn;
- Kế hoạch số 12/KH-ĐU ngày 25/2/2026 của Đảng ủy Trường Cao đẳng Lạng Sơn về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ

Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2026-2030

Những văn bản này tạo thành nền tảng chính trị, pháp lý và định hướng chiến lược cho việc tổ chức, quản lý và phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp nói chung và Trường Cao đẳng Lạng Sơn nói riêng.

1.3. Nội dung quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục

Hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục được điều chỉnh bởi hệ thống pháp luật tương đối đầy đủ, trong đó Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013 và Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025 là hai văn bản có ý nghĩa nền tảng [6], [8]. Các văn bản này xác định rõ vai trò của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời quy định nhiều nội dung quản lý nhà nước như xây dựng chiến lược, chính sách; quản lý nhiệm vụ khoa học; phát triển nguồn nhân lực; quản lý tài chính; quản lý dữ liệu, kết quả nghiên cứu và thúc đẩy đổi mới sáng tạo [6], [8].

Để cụ thể hóa các quy định của luật, Chính phủ đã ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định liên quan đến tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục. Đáng chú ý, Nghị định số 109/2022/NĐ-CP quy định khá toàn diện về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học, bao gồm các nội dung như xây dựng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổ chức thực hiện, đánh giá kết quả, phát triển tiềm lực, hợp tác khoa học và thúc đẩy ứng dụng kết quả nghiên cứu [4]. Mặc dù áp dụng trực tiếp cho cơ sở giáo dục đại học, song nhiều nội dung của nghị định này có thể vận dụng phù hợp trong quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại các trường cao đẳng, nhất là ở các khâu quản lý đề tài, tổ chức bộ máy, phát triển đội ngũ và gắn nghiên cứu với nhu cầu thực tiễn [4].

Từ góc độ quản lý, nội dung quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục có thể khái quát trên các phương diện chủ yếu sau: quản lý chiến lược, kế hoạch và định hướng nghiên cứu; quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; quản lý nguồn nhân lực; quản lý tài chính và cơ sở vật chất; quản lý kết quả nghiên cứu, sở hữu trí tuệ, dữ liệu khoa học và chuyển giao công nghệ; quản lý kiểm tra, đánh giá; và quản lý môi trường học thuật, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo [4], [6], [8]. Những nội dung này có quan hệ chặt chẽ với nhau và cùng quyết định chất lượng, hiệu quả của hoạt động khoa học và công nghệ trong nhà trường.

Như vậy, quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục không chỉ là quản lý thủ tục hành chính đối với các đề tài, nhiệm vụ khoa học, mà còn là quá trình tổ chức, điều hành, điều phối và hỗ trợ toàn bộ hệ thống hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo nhằm phục vụ trực tiếp cho nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển đội ngũ và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới [4], [6], [8].

2. Cơ sở thực tiễn

Trong những năm gần đây, cùng với quá trình đổi mới giáo dục nghề nghiệp và yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, các trường tiền thân của Trường Cao đẳng Lạng Sơn đã từng bước quan tâm đến hoạt động khoa học và công nghệ như một nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược phát triển nhà trường. Đặc biệt, ở Trường Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn trước đây, hoạt động nghiên cứu khoa học đã được quan tâm thông qua việc xây dựng kế hoạch nghiên cứu hằng năm, ban hành văn bản quản lý nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên, tổ chức đăng ký, xét duyệt, nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ cấp trường và tham gia nghiên cứu đề tài cấp tỉnh theo định hướng nghiên cứu ứng dụng, phục vụ công tác đào tạo và quản lý, đồng thời tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học. Theo báo cáo tổng kết nội bộ giai đoạn 2018-2023, các hoạt động này đã góp phần duy trì nền nếp nghiên cứu trong nhà trường và tạo tiền đề nhất định cho việc phát triển hoạt động khoa học và công nghệ sau sáp nhập [11]. Đối với Trường Cao đẳng Y tế Lạng Sơn, hoạt động khoa học và công nghệ giai đoạn 2021-2025 được duy trì ở mức tương đối ổn định, bám sát thực tiễn đào tạo y dược và nhu cầu của ngành y tế địa phương. Các nghiên cứu chủ yếu tập trung vào những vấn đề thực tế trong y học lâm sàng, y tế công cộng và phương pháp giảng dạy; bước đầu hình thành mô hình phối hợp giữa giảng viên, sinh viên và cán bộ y tế cơ sở. Điểm đáng chú ý là hoạt động nghiên cứu của đơn vị này mang tính ứng dụng kép: vừa phục vụ công tác chuyên môn trong lĩnh vực y tế, vừa phục vụ hoạt động đào tạo. Đây là một lợi thế thực tiễn quan trọng để nhà trường hiện nay phát triển các nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy mô cao hơn trong giai đoạn tiếp theo. Trường Cao đẳng Nghề Lạng Sơn đã bước đầu triển khai các đề tài NCKH cấp trường bám sát thực tiễn đào tạo, các sáng kiến phục vụ công tác thi đua của cá nhân.

Sau sáp nhập, Trường Cao đẳng Lạng Sơn có điều kiện hình thành một cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa ngành, đa lĩnh vực, tích hợp giữa đào tạo, nghiên cứu và phục vụ cộng đồng. Nhà trường hiện có gần 250 viên chức, người lao động; trên 70% đội ngũ có trình độ sau đại học; quy mô đào tạo trên 2.500 học sinh, sinh viên mỗi năm với 8 khoa chuyên môn. Nhà trường đã thành lập Hội

đồng Khoa học và Đào tạo, ban hành một số quy định quản lý khoa học công nghệ, tổ chức đăng ký, xét duyệt và nghiệm thu đề tài khoa học công nghệ cấp trường; đồng thời từng bước tham gia các nhiệm vụ nghiên cứu theo định hướng ứng dụng, phục vụ đào tạo và quản lý [12]. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển hoạt động khoa học và công nghệ trong giai đoạn mới.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường vẫn còn nhiều hạn chế so với tiềm năng và yêu cầu phát triển. Trước hết, ba trường trước sáp nhập có quy định, quy trình và cách thức tổ chức nghiên cứu khác nhau nên chưa hình thành được cơ chế quản lý thống nhất. Thứ hai, hoạt động khoa học và công nghệ chưa trở thành nhiệm vụ thường xuyên, đồng đều trong toàn trường; năng lực nghiên cứu của giảng viên còn chênh lệch giữa các khoa, các lĩnh vực; một bộ phận giảng viên vẫn quen với hoạt động giảng dạy thuần túy, chưa hình thành thói quen nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ. Thứ ba, định hướng nghiên cứu của nhà trường chưa thật sự rõ ràng, chưa hình thành rõ các lĩnh vực ưu tiên gắn với thế mạnh đào tạo và nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Lạng Sơn. Thứ tư, cơ sở vật chất nghiên cứu, dữ liệu khoa học, hạ tầng số, kinh phí hỗ trợ nghiên cứu và cơ chế phát triển sở hữu trí tuệ còn hạn chế. Thứ năm, sự phối hợp với doanh nghiệp và địa phương trong nghiên cứu ứng dụng, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và chuyển giao công nghệ còn mỏng, chưa tạo được chu trình khép kín từ nghiên cứu đến ứng dụng [11], [12]. Những hạn chế này được phản ánh rõ trong bản tổng hợp thực trạng của sáng kiến.

Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới quản trị nhà trường, đẩy mạnh chuyển đổi số và tăng cường gắn kết với doanh nghiệp, địa phương ngày càng trở nên cấp thiết. Với vị thế là một cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa ngành của tỉnh, Trường Cao đẳng Lạng Sơn có nhiều điều kiện để phát triển hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng ứng dụng, liên ngành, gắn với thực tiễn đào tạo và phát triển địa phương. Tuy nhiên, để khai thác hiệu quả những tiềm năng đó, cần có một hệ thống giải pháp quản lý đồng bộ, có chiều sâu, phù hợp với đặc thù nhà trường sau sáp nhập và đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới [1], [2], [9], [10], [12]. Đây chính là cơ sở thực tiễn trực tiếp để đề xuất các giải pháp của sáng kiến này.

III. NỘI DUNG SÁNG KIẾN

1. Nội dung và những kết quả nghiên cứu của sáng kiến

1.1. Nguyên tắc xây dựng giải pháp

Các giải pháp của sáng kiến được xây dựng trên cơ sở bảo đảm 05 nguyên tắc: (1) bám sát chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và giáo dục nghề nghiệp; (2) xuất phát từ thực trạng, điều kiện tổ chức và nguồn lực của Trường Cao đẳng Lạng Sơn; (3) bảo đảm tính đồng bộ, hệ thống, khả thi và có lộ trình thực hiện; (4) gắn hoạt động khoa học và công nghệ với nâng cao chất lượng đào tạo, chuyển đổi số và nhu cầu phát triển địa phương; (5) coi trọng hiệu quả đầu ra, giá trị ứng dụng và khả năng nhân rộng.

1.2. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn

1.2.1. Hoàn thiện quy trình quản lý hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng thống nhất, khoa học, phù hợp với đặc thù trường cao đẳng đa ngành sau sáp nhập

Mục tiêu: Thiết lập cơ chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ thống nhất trong toàn trường, khắc phục tình trạng phân tán, chồng chéo và thiếu đồng bộ giữa các đơn vị; nâng cao tính minh bạch, tính trách nhiệm và khả năng kiểm soát chất lượng toàn bộ quá trình từ xác định nhiệm vụ đến ứng dụng kết quả nghiên cứu. Giải pháp này còn nhằm chuyển dần hoạt động khoa học và công nghệ từ quản lý hành chính thuần túy sang quản lý theo mục tiêu, theo tiến độ, theo đầu ra và theo hiệu quả ứng dụng thực tiễn.

Nội dung: Giải pháp tập trung rà soát, hợp nhất và chuẩn hóa các quy định nội bộ về hoạt động khoa học và công nghệ; xây dựng quy trình quản lý thống nhất gồm các khâu: đề xuất nhiệm vụ, xét duyệt, giao nhiệm vụ, tổ chức thực hiện, kiểm tra tiến độ, nghiệm thu, công bố, lưu trữ, phổ biến và ứng dụng kết quả. Đồng thời, phân định rõ chức năng, trách nhiệm và cơ chế phối hợp giữa Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trung tâm Khoa học công nghệ và Dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng, các khoa chuyên môn, các phòng chức năng và chủ nhiệm nhiệm vụ. Nội dung của giải pháp không chỉ dừng ở việc chuẩn hóa thủ tục mà còn nhằm chuẩn hóa tiêu chí đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng coi trọng tính mới, tính ứng dụng, khả năng phục vụ đào tạo, quản lý và phát triển địa phương.

Cách thức thực hiện: Tổ chức rà soát toàn diện văn bản, biểu mẫu, hồ sơ, quy trình và cách thức tổ chức quản lý khoa học và công nghệ hiện đang áp dụng ở các đơn vị trong trường; đánh giá những điểm phù hợp, bất cập, chồng chéo hoặc chưa thống nhất. Trên cơ sở đó, ban hành Quy chế quản lý hoạt động

khoa học và công nghệ thống nhất toàn trường, kèm hệ thống biểu mẫu chuẩn, quy định rõ đầu việc, thẩm quyền, trách nhiệm, thời gian xử lý và tiêu chí đánh giá đối với từng khâu. Xây dựng kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hằng năm và theo giai đoạn, trong đó xác định rõ chỉ tiêu sản phẩm, định hướng nghiên cứu ưu tiên, tiến độ thực hiện và trách nhiệm tổ chức thực hiện của từng đơn vị. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như số hóa hồ sơ, cập nhật tiến độ trực tuyến, thống kê kết quả thực hiện, công khai thông tin nhiệm vụ và lưu trữ dữ liệu tập trung. Tổ chức kiểm tra định kỳ, sơ kết, tổng kết và lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ làm căn cứ trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xét thi đua, khen thưởng.

Điều kiện thực hiện: Cần có sự chỉ đạo thống nhất, liên tục của Ban Giám hiệu; sự phối hợp chặt chẽ giữa Trung tâm Khoa học công nghệ và Dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng với các khoa, phòng, trung tâm; đội ngũ phụ trách công tác khoa học và công nghệ có năng lực tham mưu và tổ chức thực hiện; hạ tầng công nghệ thông tin đủ để triển khai số hóa quy trình; kinh phí bảo đảm cho xây dựng, cập nhật và vận hành hệ thống quản lý. Quan trọng hơn, cần có sự thống nhất về nhận thức trong toàn trường rằng việc chuẩn hóa quy trình không làm tăng gánh nặng thủ tục, mà nhằm làm cho hoạt động khoa học và công nghệ rõ việc, rõ trách nhiệm và hiệu quả hơn.

1.2.2. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ

Mục tiêu: Nâng cao nhận thức, năng lực nghiên cứu, kỹ năng công bố, khả năng ứng dụng và chuyển giao kết quả nghiên cứu của đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên; từng bước hình thành đội ngũ nòng cốt, các nhóm nghiên cứu có định hướng, có sản phẩm và có khả năng lan tỏa trong toàn trường. Mục tiêu sâu hơn là đưa nghiên cứu khoa học trở thành một bộ phận thường xuyên, có chất lượng trong hoạt động chuyên môn của giảng viên.

Nội dung: Giải pháp phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ theo cả chiều rộng và chiều sâu. Về chiều rộng, tạo chuyển biến trong nhận thức để hoạt động nghiên cứu khoa học không còn bị xem là nhiệm vụ phụ hoặc chỉ phục vụ thi đua, mà là một thành tố của phát triển nghề nghiệp giảng viên và nâng cao chất lượng đào tạo. Về chiều sâu, tập trung bồi dưỡng các năng lực cốt lõi như xác định vấn đề nghiên cứu, thiết kế đề tài, khảo sát, xử lý dữ liệu, viết báo cáo, công bố khoa học, khai thác dữ liệu số, bảo hộ sở hữu trí tuệ và chuyển giao kết quả nghiên cứu. Giải pháp đồng thời hướng tới phát hiện, bồi dưỡng và phát huy vai trò của đội ngũ nòng cốt ở từng khoa, từng lĩnh vực; hình thành các

nhóm nghiên cứu ứng dụng phù hợp với thể mạnh đào tạo và nhu cầu phát triển địa phương; khuyến khích nghiên cứu liên ngành, liên khoa và gắn với thực tiễn nghề nghiệp.

Cách thức thực hiện: Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ về khoa học và công nghệ theo từng năm học và giai đoạn, bảo đảm tính liên tục, có trọng tâm và phù hợp với từng nhóm đối tượng. Đối với giảng viên ít kinh nghiệm, tập trung vào kỹ năng cơ bản; đối với đội ngũ có nền tảng, nâng cao năng lực công bố, xây dựng nhóm nghiên cứu, triển khai đề tài ứng dụng hoặc nhiệm vụ cấp cao hơn. Tổ chức đa dạng các hình thức bồi dưỡng như tập huấn, hội thảo, seminar, sinh hoạt chuyên đề, diễn đàn trao đổi kinh nghiệm; mời chuyên gia trong và ngoài trường hỗ trợ chuyên môn. Mỗi đợt bồi dưỡng cần gắn với sản phẩm cụ thể như đề cương, công cụ khảo sát, báo cáo chuyên đề, bài báo hoặc sáng kiến. Cụ thể trong năm học 2025 – 2026, Trung tâm tham mưu tổ chức 02 lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho 160 nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp nhằm nâng cao nhận thức và tư duy nghiên cứu khoa học hiện đại cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp; trang bị kiến thức và kỹ năng phát hiện, xác định vấn đề nghiên cứu xuất phát từ thực tiễn giảng dạy, sản xuất và đời sống xã hội tại địa phương. Đồng thời, Hội nghị hướng dẫn việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học và ứng dụng công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) trong toàn bộ quy trình nghiên cứu. Thành lập các nhóm nghiên cứu theo hướng tinh gọn, thực chất, có trưởng nhóm, có kế hoạch hoạt động và có sản phẩm đầu ra rõ ràng; gắn hoạt động nhóm với giải quyết các vấn đề thực tiễn trong giảng dạy, quản lý, chuyển đổi số, xây dựng học liệu hoặc nhu cầu địa phương. Đồng thời, ban hành cơ chế khuyến khích cụ thể như hỗ trợ kinh phí nghiên cứu, hỗ trợ công bố, hỗ trợ tham dự hội thảo, ưu tiên xét thi đua, biểu dương cá nhân và tập thể có thành tích; đưa kết quả khoa học và công nghệ trở thành một trong những căn cứ quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

Điều kiện thực hiện: Cần có kinh phí phù hợp cho đào tạo, bồi dưỡng, hỗ trợ công bố và phát triển nhóm nghiên cứu; cần bố trí quỹ thời gian hợp lý để giảng viên tham gia nghiên cứu; cần xây dựng môi trường học thuật cởi mở, khuyến khích chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ đồng đẳng và tinh thần học hỏi. Đồng thời, cần có cơ chế động viên đủ mạnh, công bằng và minh bạch; có sự gương mẫu, dẫn dắt của đội ngũ nòng cốt ở các đơn vị.

1.2.3. Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ gắn với đào tạo, sản xuất - dịch vụ và nhu cầu thực tiễn địa phương

Mục tiêu: Nâng cao chất lượng, giá trị ứng dụng và sức lan tỏa của hoạt động nghiên cứu khoa học; đưa kết quả nghiên cứu vào giảng dạy, quản lý, sản xuất – dịch vụ và phục vụ cộng đồng; từng bước hình thành cơ chế phối hợp hiệu quả giữa nhà trường với cơ quan quản lý, doanh nghiệp và địa phương trong nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

Nội dung: Nội dung trọng tâm là định hướng hoạt động nghiên cứu theo các lĩnh vực ưu tiên phù hợp với thế mạnh đào tạo của nhà trường và yêu cầu phát triển của tỉnh Lạng Sơn, như: nông nghiệp công nghệ cao, phát triển dược liệu và y tế số, du lịch thông minh, kỹ thuật – công nghệ, chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa địa phương. Giải pháp ưu tiên các đề tài, sáng kiến và sản phẩm khoa học có khả năng áp dụng trực tiếp vào cải tiến chương trình đào tạo, xây dựng học liệu, đổi mới phương pháp dạy học, nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và giải quyết những vấn đề thực tiễn của địa phương, doanh nghiệp.

Cách thức thực hiện: Tổ chức khảo sát nhu cầu nghiên cứu từ các khoa chuyên môn, đơn vị trong trường, doanh nghiệp, địa phương và các sở, ngành liên quan; trên cơ sở đó xác định danh mục nhiệm vụ ưu tiên hằng năm và theo giai đoạn. Đẩy mạnh cơ chế đặt hàng nội bộ đối với các đề tài, sáng kiến có khả năng giải quyết trực tiếp những vấn đề nổi bật của nhà trường như đổi mới giảng dạy, kiểm tra đánh giá, xây dựng học liệu số, quản lý đào tạo, chuyển đổi số hoặc tăng cường gắn kết với doanh nghiệp. Tăng cường tổ chức hội thảo, diễn đàn, hoạt động kết nối giữa nhà trường với doanh nghiệp, chính quyền địa phương và các cơ quan chuyên môn để trao đổi nhu cầu, hình thành hợp tác nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao. Đối với các nhiệm vụ đã nghiệm thu, cần xây dựng kế hoạch ứng dụng hoặc chuyển giao rõ ràng, xác định phạm vi áp dụng, đơn vị tiếp nhận, hình thức triển khai và tiêu chí đánh giá hiệu quả sau ứng dụng. Trong đánh giá kết quả nghiên cứu, cần đặt tiêu chí ứng dụng và chuyển giao vào vị trí trọng tâm, giảm dần tình trạng chỉ coi trọng hoàn thành hồ sơ, nghiệm thu hình thức mà chưa chú ý đến tác động thực tế của sản phẩm khoa học và công nghệ.

Điều kiện thực hiện: Cần có định hướng nghiên cứu trọng tâm rõ ràng; có cơ chế phối hợp minh bạch, linh hoạt với các sở, ngành, doanh nghiệp và địa phương; có đội ngũ giảng viên đủ năng lực triển khai nghiên cứu ứng dụng; có kinh phí hỗ trợ thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm và tổ chức chuyển giao; có điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, địa điểm thực nghiệm phù hợp. Đồng thời, cần xây dựng nhận thức chung rằng mỗi nhiệm vụ khoa học phải trả lời

được câu hỏi: sản phẩm này phục vụ ai, phục vụ việc gì và đem lại giá trị gì cho nhà trường hoặc xã hội.

1.2.4. Phát triển tiềm lực và xây dựng hệ sinh thái khoa học và công nghệ trong nhà trường

Mục tiêu: Tạo lập nền tảng lâu dài, bền vững cho hoạt động khoa học và công nghệ thông qua củng cố tổ chức, tăng cường cơ sở vật chất, phát triển dữ liệu khoa học, hình thành môi trường nghiên cứu và đổi mới sáng tạo trong toàn trường; từ đó nâng cao sức bền và khả năng phát triển lâu dài của hoạt động khoa học và công nghệ.

Nội dung: Giải pháp tập trung phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trên nhiều phương diện: tổ chức quản lý; nguồn lực tài chính; cơ sở vật chất, trang thiết bị; hạ tầng số và dữ liệu khoa học; cơ chế khuyến khích; mạng lưới hợp tác; và văn hóa nghiên cứu trong nhà trường. Đồng thời, từng bước xây dựng hệ sinh thái khoa học và công nghệ của Trường Cao đẳng Lạng Sơn theo hướng kết nối giữa nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp và phục vụ cộng đồng, thiết lập Quỹ hỗ trợ nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, huy động nguồn lực từ ngân sách, doanh nghiệp, dự án quốc tế và xã hội hóa. Một hệ sinh thái như vậy sẽ giúp hoạt động khoa học và công nghệ không bị đơn lẻ trong từng đề tài, mà trở thành dòng chảy học thuật thường xuyên của toàn trường.

Cách thức thực hiện: Tiếp tục củng cố vai trò của Trung tâm Khoa học công nghệ và Dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng và Hội đồng Khoa học và Đào tạo trong tham mưu chiến lược, điều phối hoạt động, hỗ trợ chuyên môn và kết nối nguồn lực. Xây dựng kế hoạch đầu tư trung hạn cho hệ thống phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, thư viện, phòng học chuyên đề, cơ sở dữ liệu số và hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ nghiên cứu và đào tạo; ưu tiên đầu tư có trọng tâm cho những lĩnh vực mũi nhọn và có khả năng ứng dụng cao. Thiết lập cơ sở dữ liệu dùng chung về đề tài, sáng kiến, bài báo, giáo trình, học liệu số, sản phẩm khoa học và các chuyên gia, nhóm nghiên cứu trong trường; cơ sở dữ liệu này vừa phục vụ quản lý, vừa hỗ trợ chia sẻ tri thức, kết nối hợp tác và khai thác kết quả nghiên cứu. Song song với đầu tư vật chất, hoàn thiện cơ chế khen thưởng, hỗ trợ, đánh giá kết quả nghiên cứu theo hướng khuyến khích sáng tạo, coi trọng chất lượng, tính ứng dụng và mức độ lan tỏa; tổ chức ngày hội khoa học, diễn đàn học thuật, cuộc thi ý tưởng sáng tạo, hoạt động khởi nghiệp để tạo không khí học thuật tích cực trong toàn trường.

Điều kiện thực hiện: Cần có chiến lược phát triển khoa học và công nghệ gắn với chiến lược phát triển nhà trường; có nguồn ngân sách ổn định và khả năng huy động xã hội hóa; có hạ tầng công nghệ thông tin, thiết bị và không gian nghiên cứu phù hợp; có cơ chế phối hợp liên đơn vị chặt chẽ, rõ trách nhiệm; có chính sách khuyến khích đủ sức tạo động lực. Quan trọng hơn, cần thống nhất nhận thức rằng phát triển tiềm lực và hệ sinh thái khoa học và công nghệ là đầu tư cho tương lai của nhà trường, không thể có kết quả tức thời nhưng sẽ quyết định sức mạnh nội sinh và vị thế học thuật lâu dài.

2. Thảo luận, đánh giá kết quả

2.1 Tính mới, tính sáng tạo

Sáng kiến có tính mới trước hết ở cách tiếp cận quản lý hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng đồng bộ, hiện đại và phù hợp với đặc thù của trường cao đẳng đa ngành sau sáp nhập. Thay vì coi hoạt động khoa học và công nghệ chủ yếu là một nhiệm vụ hành chính hoặc phong trào, sáng kiến chuyển mạnh sang cách tiếp cận quản lý theo mục tiêu, theo chất lượng đầu ra và theo giá trị ứng dụng thực tiễn.

Điểm mới tiếp theo là sáng kiến được xây dựng từ chính những “điểm nghẽn” đặc thù của Trường Cao đẳng Lạng Sơn sau sáp nhập: thiếu thống nhất về quy trình, chưa đồng đều về năng lực nghiên cứu, định hướng nghiên cứu còn phân tán, hạ tầng và dữ liệu khoa học chưa đồng bộ, hoạt động ứng dụng và chuyển giao còn hạn chế. Việc đặt hoạt động khoa học và công nghệ trong bối cảnh sáp nhập và tái cấu trúc tổ chức giúp sáng kiến có tính đặc thù, sát thực tiễn và khả năng giải quyết vấn đề rõ ràng.

Về tính sáng tạo, sáng kiến thể hiện ở việc thiết kế 04 nhóm giải pháp có quan hệ chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau, tác động đồng thời tới thể chế quản lý, con người, hoạt động chuyên môn và điều kiện bảo đảm. Đặc biệt, việc viết lại từng giải pháp theo cấu trúc thống nhất gồm mục tiêu, nội dung, cách thức thực hiện và điều kiện thực hiện giúp tăng tính logic, khả thi và thuận lợi cho quá trình tổ chức áp dụng, kiểm tra và nhân rộng.

Sáng kiến cũng có tính sáng tạo ở chỗ đề xuất quản lý theo đầu ra và giá trị ứng dụng, coi trọng sản phẩm có khả năng áp dụng trong giảng dạy, quản lý, sản xuất – dịch vụ và phục vụ cộng đồng; đồng thời sử dụng khảo sát định lượng để lượng hóa nhận thức và mức độ đồng thuận của đội ngũ, từ đó tạo cơ sở khoa học cho việc đánh giá hiệu quả của sáng kiến.

2.2. Khả năng áp dụng và mang lại lợi ích thiết thực của sáng kiến

a) Khả năng áp dụng hoặc áp dụng thử, nhân rộng:

Sáng kiến có khả năng áp dụng trực tiếp tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn vì các giải pháp được thiết kế trên cơ sở điều kiện tổ chức và nguồn lực hiện có của nhà trường. Hệ thống quản lý khoa học và công nghệ đã được hình thành; đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên có trình độ tương đối cao; hoạt động nghiên cứu khoa học đã có nền tảng từ các đơn vị tiền thân; vì vậy sáng kiến có thể triển khai theo lộ trình phù hợp mà không đòi hỏi sự thay đổi đột ngột vượt quá khả năng của đơn vị.

Khả năng nhân rộng của sáng kiến thể hiện ở chỗ các giải pháp không phụ thuộc vào một ngành đào tạo riêng lẻ, mà được xây dựng theo mô hình quản lý dùng chung cho cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa ngành. Vì vậy, sáng kiến có thể tham khảo và vận dụng đối với các trường cao đẳng, trung cấp hoặc cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập có đặc điểm tương đồng, nhất là các đơn vị đang trong quá trình kiện toàn tổ chức, đẩy mạnh chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ.

b) Khả năng mang lại lợi ích thiết thực

Để đánh giá hiệu quả các giải pháp chúng tôi đã thực hiện khảo sát trên 105 Cán bộ quản lý, giảng viên nhà trường.

Bảng 1. Thông tin về đối tượng khảo sát

STT	Đối tượng	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Cán bộ quản lý	18	17,1
2	Giảng viên	87	82,9
	Tổng	105	100,0

Bảng 1 cho thấy giảng viên chiếm tỷ lệ chủ yếu với 82,9%, cán bộ quản lý chiếm 17,1%. Cơ cấu này phù hợp với mục tiêu khảo sát vì giảng viên là lực lượng trực tiếp tham gia và chịu tác động rõ nhất của hoạt động khoa học và công nghệ trong nhà trường.

Bảng 2. Thông tin về thâm niên công tác của đối tượng khảo sát

STT	Thâm niên công tác	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Dưới 10 năm	26	24,8
2	Từ 10 đến 15 năm	31	29,5
3	Từ 16 đến 20 năm	25	23,8
4	Trên 20 năm	23	21,9
	Tổng	105	100,0

Đối tượng khảo sát có thâm niên công tác khá đa dạng, phân bố tương đối đồng đều giữa các nhóm, trong đó nhóm từ 10 đến 15 năm chiếm tỷ lệ cao nhất

với 29,5%. Cơ cấu này cho thấy mẫu khảo sát có tính đại diện tương đối tốt, phản ánh được ý kiến của cả những người có nhiều kinh nghiệm lẫn những người đang trong giai đoạn phát triển nghề nghiệp.

Phiếu khảo sát được thiết kế theo cấu trúc của mẫu phiếu khảo sát cơ sở đào tạo, đồng thời điều chỉnh nội dung cho phù hợp với đề tài nghiên cứu. Phiếu gồm 23 tiêu chí thuộc 05 nhóm nội dung (*Phụ lục 1*): quy trình quản lý hoạt động khoa học và công nghệ; phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ; hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao; tiềm lực và hệ sinh thái khoa học và công nghệ; đánh giá chung. Thang đo sử dụng 05 mức từ 1 đến 5 tương ứng: 1 – Rất không đồng ý; 2 – Không đồng ý; 3 – Phân vân/Bình thường; 4 – Đồng ý; 5 – Rất đồng ý.

Bảng 3. Độ tin cậy của thang đo khảo sát

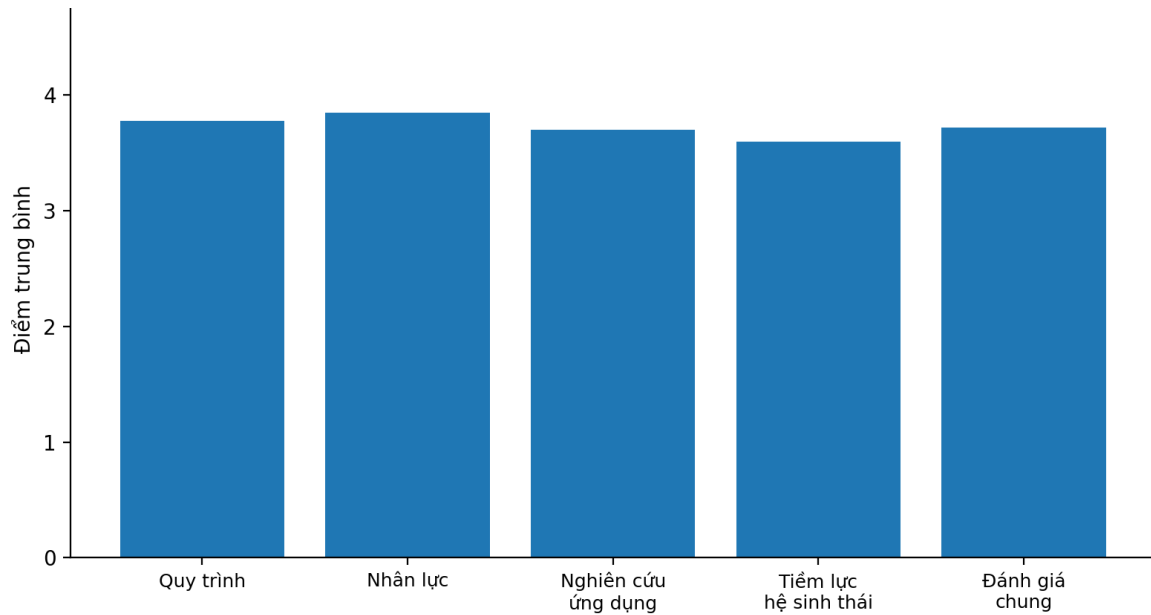
Nhóm tiêu chí	Số biến	Cronbach's Alpha	Đánh giá
Quy trình quản lý hoạt động KH&CN	5	0.84	Tốt
Phát triển nguồn nhân lực KH&CN	5	0.88	Tốt
Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao	5	0.85	Tốt
Tiềm lực và hệ sinh thái KH&CN	5	0.83	Tốt
Đánh giá chung	3	0.81	Tốt
Toàn thang đo	23	0.947	Rất tốt

Bảng 3 cho thấy thang đo khảo sát có độ tin cậy tốt đến rất tốt. Đây là cơ sở để khẳng định các kết quả đánh giá có thể sử dụng làm minh chứng khoa học cho việc phân tích mức độ phù hợp, khả thi và hiệu quả của các giải pháp.

Bảng 4. Kết quả khảo sát theo nhóm tiêu chí

Nhóm tiêu chí	Số tiêu chí	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn	Mức đánh giá
Quy trình quản lý hoạt động KH&CN	5	3.78	0.05	Tốt
Phát triển nguồn nhân lực KH&CN	5	3.85	0.04	Tốt
Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao	5	3.7	0.05	Tốt
Tiềm lực và hệ sinh thái KH&CN	5	3.6	0.04	Tốt
Đánh giá chung	3	3.72	0.01	Tốt
Chung	23	3.73	0.04	Tốt

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát.



Biểu đồ 1. Điểm trung bình theo nhóm tiêu chí khảo sát

Bảng 4 và Biểu đồ 1 cho thấy điểm trung bình chung của toàn bộ 23 tiêu chí đạt 3,73/5, thuộc mức tốt. Trong đó, nhóm phát triển nguồn nhân lực khoa học và công nghệ đạt điểm cao nhất (3,85), phản ánh sự quan tâm đúng hướng của nhà trường đối với bồi dưỡng năng lực nghiên cứu của giảng viên; nhóm tiềm lực và hệ sinh thái khoa học và công nghệ đạt thấp nhất (3,60), cho thấy đây là lĩnh vực cần tiếp tục đầu tư, hoàn thiện trong thời gian tới.

Bảng 5. Kết quả khảo sát theo từng tiêu chí

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm TB	ĐLC	Mức đánh giá
1	Quy trình quản lý KH&CN được ban hành đầy đủ, rõ ràng	3.82	0.74	Tốt
2	Các bước đăng ký, xét duyệt, nghiệm thu được thực hiện thống nhất	3.79	0.76	Tốt
3	Thủ tục thực hiện đề tài thuận lợi, dễ áp dụng	3.68	0.82	Tốt
4	Việc công khai thông tin đề tài, kinh phí, kết quả bảo đảm minh bạch	3.81	0.73	Tốt
5	Cổng thông tin/cơ sở dữ liệu KH&CN hỗ trợ hiệu quả	3.8	0.78	Tốt
6	Nhà trường quan tâm bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cho giảng viên	3.92	0.66	Tốt
7	Các lớp tập huấn, hội thảo KH&CN thiết thực, hiệu quả	3.87	0.69	Tốt
8	Giảng viên được hỗ trợ tham gia công bố khoa học	3.84	0.74	Tốt

STT	Nội dung tiêu chí	Điểm TB	ĐLC	Mức đánh giá
9	Các nhóm nghiên cứu được hình thành và hoạt động hiệu quả	3.78	0.77	Tốt
10	Nhận thức về vai trò NCKH của giảng viên được nâng cao	3.86	0.71	Tốt
11	Đề tài nghiên cứu gắn với thực tiễn đào tạo và địa phương	3.74	0.79	Tốt
12	Kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào giảng dạy	3.72	0.81	Tốt
13	Hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, địa phương được tăng cường	3.61	0.86	Tốt
14	Số lượng và chất lượng đề tài KH&CN được nâng cao	3.75	0.77	Tốt
15	Hoạt động chuyển giao công nghệ có chuyển biến rõ rệt	3.68	0.84	Tốt
16	Cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu được cải thiện	3.58	0.83	Tốt
17	Có sự hỗ trợ kinh phí cho hoạt động KH&CN	3.55	0.88	Tốt
18	Hình thành môi trường nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong trường	3.63	0.78	Tốt
19	Có sự kết nối hiệu quả giữa nhà trường – doanh nghiệp – địa phương	3.59	0.85	Tốt
20	Hệ sinh thái KH&CN của trường từng bước được hình thành	3.64	0.8	Tốt
21	Các giải pháp đã nâng cao hiệu quả quản lý KH&CN	3.74	0.73	Tốt
22	Hoạt động KH&CN của trường có chuyển biến tích cực	3.71	0.76	Tốt
23	Các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường	3.72	0.74	Tốt

Kết quả theo từng tiêu chí cho thấy các nội dung được đánh giá cao nhất là “Nhà trường quan tâm bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cho giảng viên” (3,92 điểm), “Các lớp tập huấn, hội thảo KH&CN thiết thực, hiệu quả” (3,87 điểm) và “Nhận thức về vai trò NCKH của giảng viên được nâng cao” (3,86 điểm). Điều này cho thấy giải pháp phát triển nguồn nhân lực có tác động rõ rệt. Các tiêu chí có điểm thấp hơn tập trung ở nhóm tiềm lực và hệ sinh thái, đặc biệt là hỗ trợ kinh phí và kết nối nhà trường - doanh nghiệp - địa phương, qua đó phản ánh đúng những hạn chế thực tế cần tiếp tục khắc phục.

Bảng 6. So sánh kết quả theo đối tượng khảo sát

Đối tượng	Số lượng	Điểm trung bình chung
Cán bộ quản lý	18	3.88
Giảng viên	87	3.7
Chung	105	3.73

Kết quả cho thấy cán bộ quản lý có xu hướng đánh giá tích cực hơn giảng viên. Tuy nhiên, chênh lệch giữa hai nhóm không lớn, chứng tỏ nhận thức của hai nhóm đối tượng về hiệu quả của các giải pháp nhìn chung tương đối thống nhất. Điều này là cơ sở thuận lợi để tiếp tục triển khai sáng kiến ở phạm vi toàn trường.

Bảng 7. So sánh kết quả theo khối đơn vị

Đơn vị/khối đơn vị	Số lượng	Điểm trung bình chung
Khối phòng, trung tâm	21	3.86
Khối Sư phạm và Khoa học cơ bản	22	3.76
Khối Y - Dược	18	3.71
Khối Kinh tế - Nông lâm - Cơ khí - Điện/CNTT	28	3.69
Khối Ngoại ngữ - VHNT - Du lịch	16	3.66

Điểm trung bình giữa các khối đơn vị dao động từ 3,66 đến 3,86. Không có đơn vị nào đánh giá ở mức thấp, cho thấy các giải pháp có khả năng triển khai tương đối đồng đều trong toàn trường, dù mức độ phát huy có khác nhau tùy điều kiện và đặc điểm từng đơn vị.

Như vậy kết quả khảo sát khẳng định rằng các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động KH&CN đã mang lại những chuyển biến tích cực trên nhiều phương diện, từ hoàn thiện quy trình, phát triển nguồn nhân lực đến thúc đẩy hoạt động nghiên cứu và ứng dụng. Đặc biệt, việc chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên và hỗ trợ hoạt động nghiên cứu đã tạo nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững của hoạt động KH&CN trong nhà trường.

Tuy nhiên, một số hạn chế vẫn còn tồn tại, như: Hệ sinh thái KH&CN chưa thực sự hoàn thiện; Nguồn lực đầu tư còn hạn chế; Hoạt động chuyển giao công nghệ chưa mạnh. Những vấn đề này cần được tiếp tục quan tâm trong giai đoạn tiếp theo.

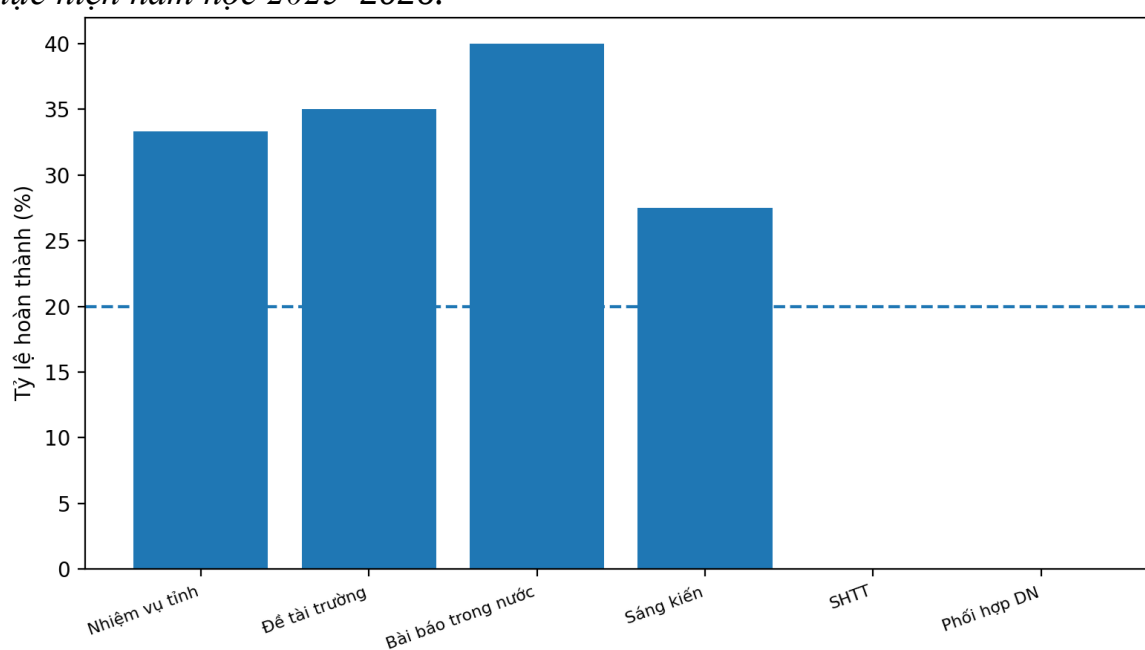
Từ các kết quả phân tích, có thể khẳng định rằng: Các giải pháp đề xuất là phù hợp và khả thi, hoạt động KH&CN của nhà trường đã có chuyển biến tích

cực, hiệu quả quản lý được nâng cao rõ rệt. Đây là cơ sở quan trọng để tiếp tục hoàn thiện và nhân rộng các giải pháp trong thời gian tới, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học trong nhà trường.

Bảng 8. So sánh chỉ tiêu sản phẩm KH&CN giai đoạn 2025–2030 với kết quả năm học 2025–2026

Sản phẩm KH&CN	Chỉ tiêu giai đoạn 2025–2030	Kết quả năm học 2025–2026	Tỷ lệ hoàn thành (%)	Mốc bình quân 1 năm	Đánh giá
Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	3	1	33.3	20,0	Vượt tiến độ
Đề tài KH&CN cấp trường	20	7	35.0	20,0	Vượt tiến độ
Bài báo đăng tạp chí trong nước	200	80	40.0	20,0	Vượt tiến độ
Sáng kiến, giải pháp cải tiến	200	55	27.5	20,0	Đạt khá
Sản phẩm sở hữu trí tuệ được đăng ký	3	0	0.0	20,0	Chưa đạt
Nhiệm vụ KH&CN phối hợp doanh nghiệp, hợp tác xã	2	0	0.0	20,0	Chưa đạt

Nguồn: Tổng hợp từ kế hoạch phát triển KH&CN của nhà trường và kết quả thực hiện năm học 2025–2026.



Biểu đồ 2. Tỷ lệ hoàn thành một số chỉ tiêu KH&CN năm học 2025–2026

Kết quả theo dõi bước đầu cho thấy nhiều chỉ tiêu khoa học và công nghệ của năm học 2025–2026 đạt từ 27,5% đến 40,0% mục tiêu cả giai đoạn 2025–2030, cao hơn mức bình quân cần đạt của một năm là 20,0%. Điều này phản ánh công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện hoạt động khoa học và công nghệ của nhà trường đã có chuyển biến tích cực ngay từ năm đầu triển khai định hướng mới.

Trong số các chỉ tiêu, bài báo đăng tạp chí trong nước đạt 40,0%; đề tài KH&CN cấp trường đạt 35,0%; nhiệm vụ cấp tỉnh đạt 33,3%; sáng kiến, giải pháp cải tiến đạt 27,5%. Đây là các kết quả cho thấy sáng kiến có hiệu quả bước đầu trong việc nâng cao nhận thức, tổ chức hoạt động và thúc đẩy sản phẩm khoa học. Tuy nhiên, chỉ tiêu về sở hữu trí tuệ và nhiệm vụ phối hợp doanh nghiệp/hợp tác xã chưa đạt, phản ánh những lĩnh vực cần tiếp tục ưu tiên đầu tư, hoàn thiện cơ chế hỗ trợ và mở rộng kết nối trong thời gian tới.

Như vậy, sáng kiến góp phần chuẩn hóa công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ; nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ; tăng cường tính ứng dụng của các đề tài, sáng kiến; thúc đẩy đổi mới phương pháp dạy học, xây dựng học liệu, cải tiến quản trị nhà trường và tăng cường mối liên hệ giữa nhà trường với doanh nghiệp, địa phương. Lợi ích của sáng kiến không chỉ thể hiện ở số lượng sản phẩm khoa học mà còn ở giá trị sử dụng, hiệu quả lan tỏa và khả năng tạo động lực phát triển bền vững cho nhà trường.

III. KẾT LUẬN

Sáng kiến “Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động khoa học và công nghệ tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn” đã xác lập được cơ sở lý luận và thực tiễn cho việc đổi mới công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ trong một cơ sở giáo dục nghề nghiệp đa ngành sau sáp nhập. Trên cơ sở phân tích thực trạng và yêu cầu phát triển của nhà trường trong giai đoạn mới, sáng kiến đã đề xuất 04 nhóm giải pháp đồng bộ, bảo đảm tính khoa học, tính khả thi và khả năng áp dụng thực tiễn.

Điểm cốt lõi của sáng kiến là chuyển cách tiếp cận từ quản lý hành chính đơn thuần sang quản lý theo mục tiêu, theo đầu ra và theo giá trị ứng dụng. Các kết quả khảo sát với 105 cán bộ quản lý và giảng viên cho thấy đội ngũ đánh giá tích cực đối với các giải pháp được đề xuất; điểm trung bình chung đạt 3,73/5, các nhóm tiêu chí đều đạt mức tốt. Điều này chứng tỏ sáng kiến không chỉ có ý nghĩa lý luận mà còn có cơ sở thực tiễn và tính khả thi rõ rệt.

Sáng kiến có giá trị thực tiễn ở chỗ góp phần chuẩn hóa công tác quản lý, nâng cao năng lực nghiên cứu của đội ngũ, tăng cường gắn kết giữa hoạt động khoa học và công nghệ với đào tạo, chuyển đổi số và nhu cầu phát triển của địa phương. Đồng thời, sáng kiến có khả năng nhân rộng đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp có điều kiện tương đồng.

Tuy nhiên, để phát huy đầy đủ hiệu quả của sáng kiến trong thời gian tới, nhà trường cần tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu và hạ tầng số phục vụ quản lý khoa học và công nghệ; tăng đầu tư cho hoạt động nghiên cứu và hỗ trợ công bố; mở rộng hợp tác với doanh nghiệp, địa phương; quan tâm hơn đến phát triển sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Đây cũng là những hướng tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển trong giai đoạn sau.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lạng Sơn (2025), Kế hoạch hành động số 238-KH/TU ngày 23/5/2025 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.
2. Bộ Chính trị (2024), Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
3. Chính phủ (2022), Nghị định số 109/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong cơ sở giáo dục đại học.
4. Nguyễn Quốc Chí, Nguyễn Thị Mỹ Lộc (2012), Đại cương khoa học quản lý, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
5. Quốc hội (2013), Luật Khoa học và Công nghệ, số 29/2013/QH13, ban hành ngày 18/6/2013.
6. Quốc hội (2019), Luật Giáo dục, số 43/2019/QH14, ban hành ngày 14/6/2019.
7. Quốc hội (2025), Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, số 93/2025/QH15, ban hành ngày 27/6/2025.
8. Thủ tướng Chính phủ (2021), Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn đến năm 2045.
9. Thủ tướng Chính phủ (2022), Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 ban hành Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030.
10. Trần Kiểm (2016), Khoa học quản lý giáo dục – Lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.
11. Trường Cao đẳng Lạng Sơn (2023), Báo cáo tổng kết công tác khoa học và công nghệ giai đoạn 2018–2023, tài liệu lưu hành nội bộ, Lạng Sơn.
12. Trường Cao đẳng Lạng Sơn (2026), Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Lạng Sơn giai đoạn 2026–2030, tầm nhìn đến năm 2045, tài liệu hội thảo khoa học của trường.

PHỤ LỤC 1.**PHIẾU KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CÁC GIẢI PHÁP NÂNG CAO QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG KH&CN TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG LẠNG SƠN**

Để đánh giá hiệu quả của các giải pháp nâng cao quản lý hoạt động KH&CN tại Trường Cao đẳng Lạng Sơn. Kính đề nghị Thầy/Cô cho ý kiến bằng cách đánh dấu (X) vào mức độ phù hợp hoặc ghi ý kiến vào phần câu hỏi mở. Các thông tin thu thập chỉ phục vụ mục đích nghiên cứu và được bảo mật.

A. THÔNG TIN VỀ ĐỐI TƯỢNG KHẢO SÁT

1. Họ và tên:
2. Chức vụ:
3. Đơn vị công tác:
4. Điện thoại/Email:
5. Số năm công tác: ☐ Dưới 10 năm ☐ Từ 10-15 năm ☐ Từ 16-20 năm ☐ Trên 20 năm
6. Đối tượng: ☐ Cán bộ quản lý ☐ Giảng viên

B. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

1- Rất không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Phân vân/Bình thường; 4- Đồng ý; 5- Rất đồng ý.

Nhóm 1. Quy trình quản lý hoạt động KH&CN

STT	Nội dung khảo sát	1	2	3	4	5
1	Quy trình quản lý KH&CN được ban hành đầy đủ, rõ ràng					
2	Các bước đăng ký, xét duyệt, nghiệm thu được thực hiện thống nhất					
3	Thủ tục thực hiện đề tài thuận lợi, dễ áp dụng					
4	Việc công khai thông tin đề tài, kinh phí, kết quả bảo đảm minh bạch					
5	Cổng thông tin/cơ sở dữ liệu KH&CN hỗ trợ hiệu quả					

Nhóm 2. Phát triển nguồn nhân lực KH&CN

STT	Nội dung khảo sát	1	2	3	4	5
6	Nhà trường quan tâm bồi dưỡng năng lực nghiên cứu cho giảng viên					
7	Các lớp tập huấn, hội thảo KH&CN thiết thực, hiệu quả					
8	Giảng viên được hỗ trợ tham gia công bố khoa học					
9	Các nhóm nghiên cứu được hình thành và hoạt động hiệu quả					
10	Nhận thức về vai trò NCKH của giảng viên được nâng cao					

Nhóm 3. Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao

STT	Nội dung khảo sát	1	2	3	4	5
11	Đề tài nghiên cứu gắn với thực tiễn đào tạo và địa phương					
12	Kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào giảng dạy					
13	Hoạt động hợp tác với doanh nghiệp, địa phương được tăng cường					
14	Số lượng và chất lượng đề tài KH&CN được nâng cao					
15	Hoạt động chuyển giao công nghệ có chuyển biến rõ rệt					

Nhóm 4. Tiềm lực và hệ sinh thái KH&CN

STT	Nội dung khảo sát	1	2	3	4	5
16	Cơ sở vật chất phục vụ nghiên cứu được cải thiện					
17	Có sự hỗ trợ kinh phí cho hoạt động KH&CN					
18	Hình thành môi trường nghiên cứu, đổi mới sáng tạo trong trường					
19	Có sự kết nối hiệu quả giữa nhà trường – doanh nghiệp – địa phương					
20	Hệ sinh thái KH&CN của trường từng bước được hình thành					

Nhóm 5. Đánh giá chung

STT	Nội dung khảo sát	1	2	3	4	5
21	Các giải pháp đã nâng cao hiệu quả quản lý KH&CN					
22	Hoạt động KH&CN của trường có chuyển biến tích cực					
23	Các giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường					

C. CÂU HỎI MỞ

1. Theo Anh/Chị, giải pháp nào mang lại hiệu quả rõ rệt nhất? Vì sao?

.....

2. Những khó khăn khi triển khai các giải pháp là gì?

.....

3. Đề xuất của Anh/Chị để nâng cao hiệu quả hoạt động KH&CN trong thời gian tới:

.....

PHỤ LỤC 2

1. QUYẾT ĐỊNH BAN HÀNH QUY ĐỊNH QUẢN LÝ CÔNG TÁC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG LẠNG SƠN

2. BIỂU MẪU KÈM THEO QUY ĐỊNH